

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-4-2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thanh Hoa.

2. Ông Trần Văn Kiều.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông Danh Khênh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31A/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trịnh Diễm T**, sinh năm 2002 (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Lê Thanh P**, sinh năm 2001 (Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn B, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/10/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị **Trịnh Diễm T** trình bày:*

Chị và anh Lê Thanh P chung sống với nhau năm 2020 đến nay không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh Gia P1, sinh ngày 02/9/2021.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh P.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con; hiện tôi đang mua bán nhỏ tại khu phố A, thị trấn B, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang nên có thu nhập ổn định mỗi tháng trên 6.000.000 đồng. Vì vậy tôi xác định bản thân đủ điều kiện nuôi con mà không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con cùng tôi.

3. Về quan hệ tài sản chung và về nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với yêu cầu của nguyên đơn, tại bản tự khai ngày 26/11/2021 bị đơn anh **Lê Thanh P** có ý kiến:*

Anh và chị Trịnh Diễm T chung sống với nhau năm 2020 đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên chị T tự ý bỏ về nhà cha mẹ vợ sinh sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung tên Trịnh Gia P1, sinh ngày 02/9/2021. Con hiện do T trực tiếp nuôi dưỡng và anh cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Trịnh Diễm T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn anh Lê Thanh P vắng mặt lần thứ nhất, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng

quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trịnh Diễm T và anh Lê Thanh P; về con, giao con Trịnh Gia P1, sinh ngày 02/9/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không cấp dưỡng nuôi con cùng chị T; tài sản chung và về nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn anh Lê Thanh P biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn chị Trịnh Diễm T. Đồng thời, anh P cũng đã có ý kiến bằng văn bản thống nhất với các ý kiến yêu cầu của nguyên đơn chị T nêu ra.

Sau đó Tòa án nhận được đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải của nguyên đơn chị Trịnh Diễm T. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “.....*Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*”.

Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho các đương sự. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn anh Lê Thanh P nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời nguyên đơn chị T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lê Thanh P theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trịnh Diễm T và anh Lê Thanh P chung sống với nhau từ năm 2020, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền (UBND

xã). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực ngày 01-01-2015) và thực tế từ khi có đơn yêu cầu xin ly hôn của chị T và cho đến nay anh, chị vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, nay chị T có yêu cầu ly hôn, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng.

- *Về quan hệ nuôi con chung*: Các đương sự đã thống nhất xác định và tự thỏa thuận, sau khi vợ chồng ly hôn giao con chung tên Trịnh Gia P1, sinh ngày 02/9/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không cấp dưỡng nuôi con cùng chị T sau khi vợ chồng ly hôn. Tuy nhiên, các đương sự không đăng ký kết hôn, hơn nữa anh P vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên không thể ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự. Vì vậy, cần giao cháu Trịnh Gia P1, sinh ngày 02/9/2021 cho chị T trực tiếp nuôi sau khi chị T và anh P ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 15, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, hơn nữa theo ý kiến của chị T nêu ra thì hiện nay chị có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chị T.

- *Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung*: Giữa nguyên đơn chị T và bị đơn anh P cùng thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Trịnh Diễm T có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trịnh Diễm T và anh Lê Thanh P.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao Trịnh Gia P1, sinh ngày 02/9/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không cấp dưỡng nuôi con cùng chị T sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Trịnh Diễm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000** đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003611 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 08/4/2022); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh